

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-01-2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Th.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Phương Tr.

2. Bà Lê Thị T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nh - Thư ký, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà Từ Ngọc H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1089/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 706/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Y, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Phường M, Quận B, Thành phố H. Địa chỉ liên lạc: xã P, huyện N, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Ngô Võ Nguyên T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: phường B, quận T, Thành phố H. Địa chỉ liên lạc: phường B, quận T, Thành phố H.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Nguyễn Hoàng Bảo Y, trình bày: Bà và ông Ngô Võ Nguyên T chung sống năm 2019, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 281/2019 ngày 23/12/2019 do UBND phường B, quận T, Thành phố H cấp. Bà cho rằng trong quá trình chung sống thì có nhiều bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên mâu thuẫn phát sinh trầm trọng không hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà có yêu cầu được ly hôn với ông T. Trong quá trình chung

sống, bà và ông T có 02 con chung là Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019 và Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021. Khi ly hôn, bà có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Ngô Phương Tr và Ngô Tấn Đ. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, bà Y có yêu cầu để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Ông Ngô Võ Nguyên T, trình bày: Ông xác nhận những lời khai của bà Nguyễn Hoàng Bảo Y về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là hoàn toàn đúng sự thật và không bổ sung gì thêm. Ông cho rằng trong quá trình chung sống thì có nhiều bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên mâu thuẫn phát sinh không hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà Y. Ông T xác nhận có 02 con chung là Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019 và Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021. Ông có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021 và giao cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019. Ông không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Ông T cũng có yêu cầu để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Y vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Võ Nguyên T. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019 và Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà có yêu cầu để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn: Ông Ngô Võ Nguyên T cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Bảo Y. Về con chung: Ông xác nhận có 02 con chung là Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019 và Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021. Ông có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Tấn Đ và giao cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Phương Tr. Ông không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông cũng có yêu cầu để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng Đ các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định. Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Bà Y và ông T chung sống năm 2019, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 281/2019 ngày 23/12/2019 do UBND phường B, quận T, Thành phố H cấp. Trong quá trình chung sống, đôi bên phát sinh mâu thuẫn nên bà Y có yêu cầu ly hôn với ông T. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y được ly hôn với ông T. Về con chung: Có 02 con chung là Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019 và Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021. Bà Y có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Tr và Đ. Ông T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Đ và đồng ý giao cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Tr. Do hiện nay các con chung còn rất nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y, giao cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Ngô Phương Tr và Ngô Tấn Đ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác, do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Y có đơn yêu cầu ly hôn với ông Ngô Võ Nguyên T, bị đơn có địa chỉ tại phường B, quận T. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

[2]. Về nội dung: Bà Y và ông T tự nguyện chung sống năm 2019, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 281/2019 ngày 23/12/2019 do UBND phường B, quận T, Thành phố H cấp, đây là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên bà Y có đơn yêu cầu ly hôn với ông T.

[2.1]. Qua yêu cầu của bà Y và ý kiến của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau nhưng hiện tại thì bà Y đã không còn tha thiết chung sống với ông T nữa.

Ngày 11/10/2023, Tòa án nhân dân quận Bình Tân có tham khảo ý kiến về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Y và ông T tại UBND phường B, quận T, có kết quả trả lời: “... Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân phường B chưa nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp của bà Nguyễn Hoàng Bảo Y và ông Ngô Võ Nguyên T. Về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng và con liên quan đến vụ án: về nội dung này, Ủy ban nhân dân phường B không rõ...”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải, tác động để đôi bên được hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà Y vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T và ông T cũng cho rằng trong quá trình chung sống, đôi bên có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên mâu thuẫn phát sinh không hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn với bà Y. Như vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng của bà Y và ông T đã thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc tiếp tục chung sống là không còn ý nghĩa mà có thể tác động xấu đến sự phát triển của các con chung. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Y đối với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Trong quá trình chung sống, bà Y với ông T có 02 con là Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019 và Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021. Bà Y cho rằng trẻ Tr là con riêng của bà nhưng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, ông T cũng không có tranh chấp và tại bản tự khai ngày 02/11/2023 của ông T cũng xác định trẻ Tr là con chung của ông với bà Y. Do đó, cần xác định bà Y với ông T có 02 con chung là Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019 và Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021.

Khi ly hôn, bà Y có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Ngô Phương Tr và Ngô Tấn Đ. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Tấn Đ và đồng ý giao cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Phương Tr. Ông không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trẻ Tr còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của mẹ, để đảm bảo việc phát triển tốt về mọi mặt, bà Y có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tr và cũng được sự đồng ý, thống nhất của ông T nên giao cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Phương Tr là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với con chung Ngô Tấn Đ, khi ly hôn, cả bà Y và ông T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chứng tỏ cả hai đều rất yêu thương con chung và mong muốn chăm lo cho con phát triển tốt. Giữa bà Y và ông T đều có đủ điều kiện để nuôi con, cụ thể là trong quá trình trực tiếp nuôi con chung của ông T, trẻ Đ được chăm sóc và phát triển bình thường. Đến khi trẻ Đ được bà Y trực tiếp nuôi dưỡng thì cũng được chăm sóc và phát triển tốt. Theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 10/3/2023 được ký kết giữa bà Y với Công ty TNHH MTV TMDV TĐ do bà Y cung cấp, thể hiện bà Y cũng đang có việc làm, có thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, việc giao con chung cho bà Y hay ông T trực tiếp nuôi dưỡng thì trẻ Đ cũng sẽ đảm bảo việc phát triển tốt cả thể chất lẫn tinh thần.

Theo khoản 3, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Xét thấy, con chung Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021 còn rất nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ, để đảm bảo việc phát triển tốt về mọi mặt và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ nên giao cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019 và Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021 của bà Y là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Y và ông Ngô Võ Nguyên T cùng có yêu cầu để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4]. Về nợ chung và các nghĩa vụ án sự khác: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Y và ông Ngô Võ Nguyên T cùng khai nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y được ly hôn với ông T, giao cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019 và Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác, do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên bà Nguyễn Hoàng Bảo Y phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hoàng Bảo Y.

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Y được ly hôn với ông Ngô Võ Nguyên T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 281/2019 ngày 23/12/2019 UBND phường B, quận T, Thành phố H cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Hoàng Bảo Y được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Ngô Phương Tr, sinh ngày 09/12/2019 và Ngô Tấn Đ, sinh ngày 09/4/2021. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Hoàng Bảo Y không yêu cầu ông Ngô Võ Nguyên T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Ngô Võ Nguyên T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Y và ông Ngô Võ Nguyên T cùng có yêu cầu để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

1.4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Y và ông Ngô Võ Nguyên T cùng khai nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0026412 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Bà Nguyễn Hoàng Bảo Y đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND quận T;
- CC THADS quận T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; VP (Nh).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Th